

Bản án số: 530/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 01-12-2021
V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Kiên Hiên;
2. Bà Nguyễn Thị Xuyên;

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Trinh – là Thư ký Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Thu Hương – Kiểm Sát Viên.

Trong ngày 01 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1205/2020/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2020 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 199/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 230/2021/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Đặng Vũ L, sinh năm 1964

Địa chỉ: , 198A đường X, Khu phố Y, phường Z, quận M, Thành phố Hồ Chí Minh

(Có mặt).

Bị đơn: Bà Vũ Thị T, sinh năm 1961

Địa chỉ: 79/70B đường B, Phường C, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

(Có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn xin ly hôn ngày 16/11/2020 và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn ông Đặng Vũ L trình bày:

Ông và bà Vũ Thị T tự nguyện chung sống từ đầu năm 1982 và có làm thủ tục đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 28 do UBND Quận 3 (Phường 21), Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25/4/1985. Quá trình

chung sống vợ chồng có 02 con chung tên Đặng Thụy T, sinh năm 1982 và Đặng Vũ Đ, sinh năm 1989.

Sau khi kết hôn thì vợ chồng có cuộc sống vất vả nhưng hòa thuận. Đến năm 2011, quan hệ vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bà T ghen tuông vô cớ, mắng nhiếc, xúc phạm ông... Do mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên ông L đã dọn ra ngoài sinh sống từ đó đến nay. Năm 2013, ông L nộp đơn ly hôn nhưng đã rút đơn để bổ sung giấy tờ. Sau đó, bà T liên tục dùng mạng xã hội đăng hình vu khống, nhảm nhí chửi rủa. Do ông và bà T không còn chung sống với nhau, tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn nên ông L yêu cầu ly hôn với bà T.

Về con chung: Các con đều đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Vũ Thị T trình bày:

Bà T xác nhận mối quan hôn nhân hợp pháp và con chung như ông L đã trình bày. Quá trình chung sống vẫn bình thường. Sau đó, ông L có hành vi ngoại tình và bỏ đi vào ngày 11/12/2011 đến nay. Ông L đã nộp đơn ly hôn lần 2 nhưng bà vẫn không đồng ý ly hôn vì tuổi đã lớn, vì con cháu nên muốn những điều tốt đẹp để con cái tôn trọng. Bà T sẽ đồng ý ly hôn nếu ông L ký căn hộ bà đang ở là của bà và đưa bà 100.000.000 đồng.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu ly hôn, ngoài ra không có yêu cầu gì khác.
- Bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Các đương sự đã chấp hành quy định pháp luật, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tiến hành tố tụng đúng theo quy định tại Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và phần trình bày của ông Đặng Vũ L đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết Tòa án:*

Nguyên đơn ông Đặng Vũ L khởi kiện, yêu cầu ly hôn với bà Vũ Thị T nên đây là vụ án hôn nhân và gia đình về tranh chấp ly hôn. Bị đơn cư trú tại Quận 3 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm

a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về tố tụng:*

Bị đơn có đơn đề nghị được vắng mặt khi Tòa án tiến hành xét xử vụ án ly hôn. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn bà T.

[3] *Về hôn nhân:* Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 28 do UBND Quận 3 (Phường 21), Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25/4/1985 nên có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa ông L và bà T là hôn nhân hợp pháp.

[4] *Về yêu cầu của nguyên đơn:*

Nguyên đơn ông L cho rằng quan hệ vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bà T ghen tuông, nhiều lần xúc phạm, chửi rủa. Vợ chồng đã không chung sống từ năm 2011 đến nay. Trong thời gian ly thân nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và không thể hàn gắn.

Bị đơn bà T cũng trình bày ông L có hành vi ngoại tình và không còn chung sống vợ chồng từ năm 2011 đến nay. Ông L đã nộp đơn lần thứ 2 do mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ lâu.

Tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định căn cứ cho ly hôn là về việc vợ, chồng vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được...

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xác định quan hệ hôn nhân giữa ông L và bà T phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng không còn yêu thương, chăm sóc, quý trọng, giúp đỡ lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông L.

[5] *Về ý kiến của bị đơn:*

Bị đơn bà T không đồng ý ly hôn nhưng đã có văn bản trình bày vợ chồng có mâu thuẫn và đã sống ly thân từ năm 2011 đến nay. Lời trình bày của bị đơn phù hợp với tài liệu chứng cứ trong hồ sơ về mâu thuẫn phát sinh trong quan hệ hôn nhân. Do vậy, Tòa án không chấp nhận yêu cầu của bà T. Việc bà T có ý kiến yêu cầu ông L phải ký xác nhận chuyển giao quyền sở hữu căn hộ và phải đưa cho bà 100.000.000 đồng để bà ký đồng ý ly hôn nhưng bà T không có yêu cầu cụ thể cũng như cung cấp chứng cứ để chứng minh yêu cầu của mình nên tòa không xét.

[6] *Về con chung:* Các con đều đã thành niên.

[7] *Về tài sản chung:* Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[8] *Về án phí:* Ông Đặng Vũ L phải chịu án phí ly hôn không theo giá ngạch là 300.000 đồng.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 266, Điều 267, Điều 273 Bộ Luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 và điểm a Khoản 5, điểm b Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử :

1. Về hôn nhân: Ông Đặng Vũ L được ly hôn với bà Vũ Thị T.
2. Về con chung: Đã thành niên.
3. Về chia tài sản và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.
4. Về án phí: Ông Đặng Vũ L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0032676 ngày 01/12/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 3. Ông L đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn ông Đặng Vũ L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Bị đơn bà Vũ Thị T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND Tp.HCM;
- VKSND Quận 3;
- Chi cục THA DS Quận 3;
- UBND Quận 3;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành